

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
CÔNG VĂN ĐẾN	Số: 2570 ngày: 30/9/2006
	CHUYÊN
	Lãnh đạo CC
	Phòng: <i>Vũ Văn Minh</i>
Sao: <i>Fam</i>	

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05/Traphaco-CNC/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco

Địa chỉ: Số 140 - 142 - 144 Khu A Địa Chất, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0221.3791016

Fax:

E-mail: banptkd@traphaco.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0900255402

Số Giấy chứng nhận ISO 22000:2018: GOODVNA15125.FSMS, ngày cấp: 07/09/2026

Nơi cấp: Công ty cổ phần chứng nhận quốc gia GOODCERT.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung HS - Calci

2. Thành phần: Mỗi viên nang cứng chứa:

Aquamin F 315 mg (tương đương 100 mg Calci và 6,8 mg Magie), Magnesi oxyd 72 mg (tương đương 43,2 mg Magie), Kẽm gluconat 20 mg (tương đương 2,85 mg Kẽm), Vitamin K2 (MK7) 20 mcg, Vitamin D3 (Cholecalciferol) 400 IU, Lactose monohydrate, Chất chống đông vón (Bột Talc, Magnesi stearat), Chất kết dính (Povidone), Chất bảo quản (Acid benzoic), Vỏ nang gelatin.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Hộp 1 lọ, 2 lọ x 30 viên, 50 viên, 60 viên, 90 viên, 120 viên, 150 viên, 180 viên. Hộp 1 gói, 2 gói x 30 viên, 60 viên, 90 viên, 120 viên, 150 viên, 180 viên. Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên. Quy cách đóng gói có thể thay đổi phụ thuộc vào nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Khối lượng trung bình viên (gồm vỏ nang): $720 \text{ mg} \pm 7,5 \%$
- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong lọ thủy tinh/lọ nhựa (PE/PET/PVC/HDPE/LDPE), nắp nhựa (PE/PET/PVC/HDPE/LDPE) hoặc nắp nhôm;



trong vỏ Alu – PVC/Alu – Alu; trong gói (nhôm/PE), sau đó đựng trong hộp giấy đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc Hội.
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.
- Nghị định số 37/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
- Thông tư số 11/VBHN-BYT của Bộ y tế quy định về quản lý thực phẩm chức năng.
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT của Bộ y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư số 30/2026/TT-BYT của Bộ y tế hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số 08:2026/TRAPHACO-CNC.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./. *Handwritten signature*



Hưng yên, ngày 29 tháng 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

(Ký tên, đóng dấu)



Handwritten signature
ThS. Trịnh Thanh Huyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO TRAPHACO

BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Số: 08:2026/TRAPHACO-CNC

1. Sản phẩm: Thực phẩm bổ sung HS - Calci

2. Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco

Địa chỉ: Số 140 - 142 - 144 Khu A Địa Chất, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

3. Trạng thái sản phẩm:

- Hình dạng: Viên nang cứng
- Màu sắc, mùi vị: Viên có màu sắc và mùi vị đặc trưng
- Khối lượng trung bình viên (gồm vỏ nang): $720 \text{ mg} \pm 7,5 \%$

4. Thành phần: Mỗi viên nang cứng chứa:

Aquamin F 315 mg (tương đương 100 mg Calci và 6,8 mg Magie), Magnesi oxyd 72 mg (tương đương 43,2 mg Magie), Kẽm gluconat 20 mg (tương đương 2,85 mg Kẽm), Vitamin K2 (MK7) 20 mcg, Vitamin D3 (Cholecalciferol) 400 IU, Lactose monohydrate, Chất chống đông vón (Bột Talc, Magnesi stearat), Chất kết dính (Povidone), Chất bảo quản (Acid benzoic), Vỏ nang gelatin.

5. Chỉ tiêu hóa lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố
1	Calci	mg/viên	≥ 70
2	Năng lượng	kcal/2 viên	$\geq 0,14$
3	Carbohydrat	g/2 viên	$\leq 1,2$
4	Chất béo	g/2 viên	$\leq 0,2$
5	Chất đạm	g/2 viên	$\geq 0,036$
6	Natri	mg/2 viên	≤ 50
7	Đường tổng số	g/2 viên	$\leq 1,2$

6. Chỉ tiêu an toàn:

6.1. Giới hạn về vi sinh vật.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	5×10^4



Handwritten signature

2	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/g	5×10^2
3	Enterobacteriaceae (Vi khuẩn Gram âm dung nạp mật)	CFU/g	1×10^2
4	<i>Escherichia coli</i>	Trong 1 g	Không được có
5	<i>Salmonella</i> spp.	Trong 25 g	Không được có

6.2. Giới hạn về kim loại nặng (theo QCVN 8-2:2011/BYT)

STT	Tên kim loại nặng	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	mg/kg	3,0
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,1

7. **Đối tượng sử dụng, hướng dẫn sử dụng:** Xem trên nhãn sản phẩm đính kèm hồ sơ.

8. **Thời hạn sử dụng:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì.

9. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Hộp 1 lọ, 2 lọ x 30 viên, 50 viên, 60 viên, 90 viên, 120 viên, 150 viên, 180 viên. Hộp 1 gói, 2 gói x 30 viên, 60 viên, 90 viên, 120 viên, 150 viên, 180 viên. Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên. Quy cách đóng gói có thể thay đổi phụ thuộc vào nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong lọ thủy tinh/lọ nhựa (PE/PET/PVC/HDPE/LDPE), nắp nhựa (PE/PET/PVC/HDPE/LDPE) hoặc nắp nhôm; trong vỉ Alu – PVC/Alu – Alu; trong gói (nhôm/PE), sau đó đựng trong hộp giấy đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

10. **Hướng dẫn bảo quản:** Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30 °C, tránh ánh sáng.

Hưng Yên, ngày 29 tháng 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

(Ký tên, đóng dấu)



ThS. Trịnh Thanh Huyền

